

Bản án số: 561/2022/DS-PT
Ngày: 13/9/2022
V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hiền**

Các Thẩm phán:
1. Ông **Uông Văn Tuấn**
2. Bà **Phạm Thị Kim**

Thư ký phiên tòa: Bà **An Phương Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Ngọc** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/8/2022 và ngày 13/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/DSPT ngày 07/7/2022 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2022/DS-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3854/2022/QĐ-PT ngày 12/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 10160/2022/QĐ-PT ngày 02/8/2022, số 10625/2022/QĐ-PT ngày 11/8/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10893/2022/QĐ-PT ngày 17/8/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4644/2022/QĐ-PT ngày 25/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trung K**, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: A1, phường B1, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Cao Nhật A
- Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: **Công ty TNHH B**

Địa chỉ: A2, phường B2, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông J

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1983 (có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 06/2021/VSA-LMP ngày 04/01/2021 của Công ty TNHH B)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

1. Ông Lê Phước Duy L - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)
2. Ông Lê Minh P - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)
3. Ông Nguyễn Đăng L1 - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Hoàng Q, sinh năm 1991 (xin vắng)
Địa chỉ: X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Ông Phan Võ Phúc D, sinh năm 1989 (xin vắng)
Địa chỉ: X1, phường Y, thành phố W, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay đang bị tạm giam).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Trung K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày và các tài liệu khác, nguyên đơn trình bày:

Ông Phan Hoàng Q là khách hàng mua xe ô tô Mercedes S450 của Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty).

Người trực tiếp giao dịch bán xe cho ông Q là ông Phan Võ Phúc D - nhân viên bán xe của Công ty.

Ông Phan Trung K – nguyên đơn – là giám sát bán hàng của Công ty.

Ngày 30/10/2018, ông Phan Hoàng Q đã ký hợp đồng mua xe Mercedes S450 trị giá 4.157.000.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) và thanh toán cụ thể như sau:

Lần 1: ngày 02/11/2018, nộp tiền mặt 01 tỷ đồng theo phiếu thu số HCM 007853.

Lần 2: ngày 14/11/2018, thanh toán 50.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản.

Lần 3: ngày 19/11/2018, thanh toán 2.990.000.000đồng thông qua hình thức chuyển khoản.

Lần 4: ngày 28/11/2018, thanh toán 317.000.000đồng thông qua hình thức chuyển khoản.

Lần 5: ngày 30/11/2018, thanh toán lần lượt số tiền 200.000.000đồng, 39.000.000đồng và 161.000.000đồng đều thông qua hình thức chuyển khoản.

Tổng cộng đã thanh toán: 4.757.000.000đồng.

Cùng ngày 30/11/2018 ông Phan Võ Phúc D đã điện thoại cho nguyên đơn, nói rằng vì khách hàng Phan Hoàng Q chưa thanh toán đủ tiền mua xe nhưng ông D muốn ông Q được hưởng khuyến mãi mua xe trong tháng và ông D được hưởng doanh số bán xe nên ông D yêu cầu nguyên đơn – ông Nguyễn Trung K chuyển vào tài khoản của Công ty số tiền 400.000.000đồng trong ngày 30/11 để thanh toán giúp ông Phan Hoàng Q, hẹn sang ngày 01/12/2018 ông Q thanh toán đủ tiền xe thì ông D sẽ trả lại tiền cho ông K.

Tin lời ông D, ngay trong ngày 30/11/2018 ông Nguyễn Trung K đã chuyển vào tài khoản Công ty số tiền 300.000.000 đồng và 100.000.000 đồng = 400.000.000đồng theo yêu cầu của ông D.

Sau đó, nguyên đơn phát hiện ra ông Q đã thanh toán đủ tiền cho Công ty trước khi ông K chuyển 400.000.000đồng vào tài khoản Công ty, vì vậy ông K yêu cầu Công ty chuyển trả lại cho mình số tiền 400.000.000đồng này, ông Phan Hoàng Q và bà Trần Thị Thùy D1 cũng có thư ngày 14/12/2018 yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền 400.000.000đồng này cho nguyên đơn nhưng Công ty từ chối.

Ngày 08/5/2018 Ông K khởi kiện yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền 400.000.000 đồng đã chuyển dư vào tài khoản bị đơn.

Bị đơn - trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Phan Hoàng Q có mua một xe ô tô Mercedes S450 của Công ty với giá 4.157.000.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Quá trình thanh toán, khách hàng có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản Công ty, nhân viên bán hàng sẽ hướng dẫn khách ghi trên phiếu thu hoặc trên chứng từ chuyển khoản và sau đó nhân viên bán hàng sẽ diễn giải chứng từ thu hoặc chuyển khoản này là thanh toán cho hợp đồng mua xe cụ thể nào.

Đối với trường hợp của ông Phan Hoàng Q, theo sự diễn giải của nhân viên bán hàng Phan Võ Phúc D, bộ phận kế toán của Công ty ghi nhận ông Q đã thanh toán đúng số tiền 4.157.000.000đồng, thể hiện qua các lần thanh toán sau:

Ngày 14/11/2018 Phan Võ Phúc D chuyển khoản 50.000.000 đồng, nội dung: Phan Hoàng Q – thanh toán tiền xe S450.

Ngày 19/11/2018, Phan Hoàng Q chuyển khoản 2.990.000.000 đồng, nội dung: Phan Hoàng Q thanh toán tiền mua xe theo hợp đồng số D7- FLEET S18103106 Charge Waived.

Ngày 28/11/2018, Phan Võ Phúc D chuyển khoản 317.000.000 đồng, nội dung: Phan Vo Phuc Dung. Phan Hoàng Q thanh toán S450L tại Vietcombank CN Nam Sai Gon HCM.

Ngày 30/11/2018, Phan Võ Phúc D chuyển khoản 39.000.000 đồng, nội dung: Phan Hoàng Q thanh toán tiền xe.

Ngày 30/11/2018, Công ty TNHH Thương mại Xuyên Hải chuyển khoản 161.000.000 đồng, nội dung: Cty TNHH TM Xuyên Hải Group Phan Hoàng Q tt tiền gtri xe Mercedes Benz HĐMB D7FLEET 18112305.

Ngày 30/11/2018, Công ty TNHH Thương mại Xuyên Hải chuyển khoản 200.000.000 đồng, nội dung: Cty TNHH TM Xuyên Hải Group Phan Hoàng Q tt tiền gtri xe Mercedes Benz HĐMB D7FLEET 18112305.

Ngày 30/11/2018, Nguyễn Trung K chuyển khoản 300.000.000đồng, nội dung: S450 Phạm Thị Thuy Duong - Phan Hoàng Q.

Ngày 30/11/2018, Nguyễn Trung K chuyển khoản 100.000.000 đồng, nội dung: S450 Phạm Thị Thuy Duong - Phan Hoàng Q.

Tổng cộng đã thanh toán: 4.157.000.000đồng. Tổng số tiền thanh toán này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

Công ty không nhận dư bất kỳ khoản tiền nào của ông Q, nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông K. Việc ông K chuyển số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty là do sự thỏa thuận vay giữa ông K và ông D (theo xác nhận nợ ngày 11/12/2018 giữa ông K và ông D), nên ông K có thể khởi kiện ông D đòi tiền theo hợp đồng vay tiền.

Do vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai ngày 29/01/2021, ông Phan Võ Phúc D - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông D nguyên là nhân viên bán hàng của Công ty từ năm 2014 đến năm 2018. Ông D và ông K là đồng nghiệp làm chung Công ty, có quan hệ thân thiết thường xuyên trao đổi, giúp đỡ nhau trong việc mua bán xe cho khách hàng, trong đó có việc cho mượn tiền.

Ông Phan Hoàng Q là khách hàng của Công ty, ông D là người trực tiếp bán xe cho ông Q. Trong vụ mua bán xe cho ông Q, ông D có mượn của ông K một số tiền theo tin nhắn cho ông K qua số điện thoại 093.222.3139 với nội dung: “mượn tiền, số tiền 400.000.000 VNĐ (bốn trăm triệu đồng) của K” mục đích là nhờ ông K chuyển khoản vào Công ty, và người thụ hưởng tại thời điểm đó là ông Phan Hoàng Q. Ông K đã trực tiếp chuyển khoản vào tài khoản Công ty số tiền 400.000.000 đồng.

Ông D xác nhận giấy “Xác nhận nợ” ngày 11/12/2018 do ông D ký với ông K, nội dung: “ông D nợ ông K số tiền 523.000.000 đồng (năm trăm hai mươi ba triệu đồng)”, trong số tiền 523.000.000 đồng này ông D xác nhận có bao gồm 400.000.000 đồng đã mượn để trả cho khách Phan Hoàng Q, còn lại 123.000.000 đồng là số tiền ông D mượn ông K trước đó.

Theo ông D được biết, anh trai ông D là Phan Phú C, đã (thay ông D) trả tiền cho ông K nhưng số tiền trả và cách thức trả thì ông D không rõ.

Nay ông K yêu cầu Công ty Ô tô trả số tiền 400.000.000 đồng, ông D không có ý kiến gì, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Võ Phúc D có Đơn ngày 29/01/2021 nêu do ông đang bị tạm giam (Trại giam Chí Hòa) không thể tham gia tố tụng tại Tòa án nên xin vắng mặt.

Tại Đơn xác nhận sự việc ngày 12/09/2019, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Phan Hoàng Q trình bày:

Ông Q xác nhận về việc đã thanh toán hoàn tất tất cả các khoản tiền mua xe, thuế trước bạ và đăng ký xe cho chiếc xe S450 ông mua, cụ thể:

- Ngày 02/11/2018 ông Q có thanh toán bằng hình thức nộp tiền mặt 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho thủ quỹ của Công ty, phiếu thu số 007853.

- Ngày 28/11/2018 ông Q đã thanh toán đủ tiền xe S450 của ông và các khoản liên quan.

Ông Q đã nhận xe vào ngày 30/11/2018. Ông Q khẳng định không nhờ ông D chuyển hay vay mượn số tiền 400 triệu đồng của ông Nguyễn Trung K và bà Phạm Thị Thùy D1, vì ông đã thanh toán đủ các khoản vào ngày 28/11/2018. Ông Q cũng không nộp tiền cho bất kỳ ai tên TRAN THI LE Q1 như Công ty thông báo và không có liên quan gì đến người này. Số tiền 1.000.000.000 đồng ông Q nộp là trả tiền cho chính chiếc xe S450 của ông Q.

Ông Q đề nghị Công ty thực hiện đúng nguyên tắc tài chính kế toán, và theo đúng quy định của pháp luật hoàn trả lại số tiền hợp pháp của ông K đang theo kiện đòi vì nó không liên quan đến chiếc xe của ông Q.

Ông Q đề nghị vắng mặt trong các vụ kiện liên quan đến việc đòi tài sản của ông K với Công ty, vì ông Q đã hoàn tất trách nhiệm của mình trước ngày 28/11/2018, ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác liên quan đến chiếc xe của ông.

Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định tại Bản án sơ thẩm số 107/2022/DS-ST ngày 15/04/2022 như sau:

“Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung K về việc yêu cầu bị đơn công ty TNHH B trả số tiền 400.000.000 đồng”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 28/4/2022, Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nêu quan điểm tranh luận:

Việc ông K chuyển số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty là có thật hiện Công ty vẫn đang giữ số tiền này. Đây là khoản tiền chuyển khoản dư số tiền cần thanh toán mua xe của ông Q. Còn liên quan đến khoản thanh toán dư số tiền mua xe của ông Q là phiếu thu số tiền một tỷ đồng. Ông Q trình bày số tiền mặt một tỷ đồng này ông Q nộp để trả cho tiền mua xe của ông Q. Như vậy, tổng số tiền ông Q đã thanh toán phải là 5.147.000.000 đồng, vượt quá số tiền cần thanh toán. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn do bà Nguyễn Thị Kiều O đại diện trình bày: Bị đơn đồng ý bản án sơ thẩm, không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nêu quan điểm tranh luận:

Ông D đã chiếm đoạt tiền thanh toán của khách hàng, ghi chứng từ mập mờ và lý giải sai lệch việc thanh toán xe của người mua. Trường hợp bà Trần Thị Lê Q1 cũng vậy, ông D đã dùng tiền mua xe của ông Q để diễn giải mua xe của bà Q1. Hành vi của ông D đã bị cơ quan điều tra khởi tố và đang bị xem xét. (Gửi kèm bản Kết luận điều tra ngày 22/8/2021 và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Hồ sơ vụ án đang bị trả điều tra bổ sung đối với ông D).

Ông D có vay mượn tiền của ông K, ông K có chuyển tiền vào tài khoản của Công ty theo yêu cầu mượn tiền của ông D. Vậy, Công ty là người thứ ba hưởng lợi ích từ hợp đồng vay mượn của ông D và ông K. Do đó Công ty hưởng lợi là có căn cứ pháp luật.

Ông D đã chiếm đoạt số tiền một tỷ đồng của ông Q để thanh toán cho bà Q1, nên không có việc thanh toán dư cho ông Q. Nguyên đơn nên căn cứ vào hợp đồng vay tiền giữa ông K và ông D để khởi kiện đòi tiền.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm và trước khi nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm chưa đánh giá hết các tình tiết dẫn đến việc quyền lợi của nguyên đơn không được bảo vệ, xét thấy: Công ty không yêu cầu ông K chuyển tiền vào tài khoản của Công ty, Công ty cũng không biết về thỏa thuận vay tiền giữa ông D và ông K. Ông K và ông D có tồn tại quan hệ vay tiền nhưng nguyên đơn khởi kiện Công ty trả tiền là sai quan hệ pháp luật. Do vậy bản án sơ thẩm là có căn cứ, kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn kháng cáo theo Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận để xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và quyết định mở phiên tòa cho các bên đương sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt họ, căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[3] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Xét chứng từ chuyển tiền số VNFI588684 ngày 30/11/2018 từ Tài khoản của nguyên đơn tại Techcombank đến Tài khoản số 0181003464686 của Công ty tại Vietcombank số tiền 300.000.000đồng (BL.90) và chứng từ chuyển tiền số VNFI589131 ngày 30/11/2018 từ Tài khoản của nguyên đơn tại Techcombank đến Tài khoản số 0181003464686 của Công ty tại Vietcombank số tiền 100.000.000đồng (BL.89), Xác nhận thanh toán về quá trình thanh toán của khách hàng Phan Hoàng Q do bị đơn lập và nộp cho Tòa án (BL.100-101) và Biên bản hòa giải ngày 02/03/2022 tại Tòa án nhân dân Quận 7 (BL347-351), phía bị đơn cũng đã liệt kê hai lần chuyển tiền của nguyên đơn vào tài khoản Công ty với tổng số tiền là 400.000.000đ để thanh toán cho ông Phan Hoàng Q. Vậy, xác định việc nguyên đơn chuyển 400.000.000đ vào tài khoản của Công ty là có thật.

Số tiền 400.000.000đ này có thanh toán vượt quá số tiền ông Q phải thanh toán hay không là vấn đề cần làm rõ, để từ đó xác định nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền này cho nguyên đơn thuộc về ai.

[3.2] Xét lời trình bày liệt kê số lần thanh toán và số tiền thanh toán mua xe của khách hàng Phan Hoàng Q thể hiện tại Xác nhận thanh toán về quá trình thanh toán của khách hàng Phan Hoàng Q do bị đơn lập và nộp cho Tòa án (BL.100-101), phía bị đơn xác nhận ông Q đã thanh toán các lần sau:

Ngày 14/11/2018 Phan Võ Phúc D chuyển khoản 50.000.000 đồng, nội dung: Phan Hoàng Q – thanh toán tiền xe S450.

Ngày 19/11/2018, Phan Hoàng Q chuyển khoản 2.990.000.000 đồng, nội dung: Phan Hoàng Q thanh toán tiền mua xe theo hợp đồng số D7- FLEET S18103106 Charge Waived.

Ngày 28/11/2018, Phan Võ Phúc D chuyển khoản 317.000.000 đồng, nội dung: Phan Vo Phuc Dung. Phan Hoàng Q thanh toán S450L tại Vietcombank CN Nam Sai Gon HCM.

Ngày 30/11/2018, Phan Võ Phúc D chuyển khoản 39.000.000 đồng, nội dung: Phan Hoàng Q thanh toán tiền xe.

Ngày 30/11/2018, Công ty TNHH Thương mại Xuyên Hải chuyển khoản 161.000.000 đồng, nội dung: Cty TNHH TM Xuyên Hải Group Phan Hoàng Q tt tiền gtri xe Mercedes Benz HĐMB D7FLEET 18112305.

Ngày 30/11/2018, Công ty TNHH Thương mại Xuyên Hải chuyển khoản 200.000.000 đồng, nội dung: Cty TNHH TM Xuyên Hải Group Phan Hoàng Q tt tiền gtri xe Mercedes Benz HĐMB D7FLEET 18112305.

Ngày 30/11/2018, Nguyễn Trung K chuyển khoản 300.000.000 đồng, nội dung: S450 Phạm Thị Thuy Duong - Phan Hoàng Q.

Ngày 30/11/2018, Nguyễn Trung K chuyển khoản 100.000.000 đồng, nội dung: S450 Phạm Thị Thuy Duong - Phan Hoàng Q.

Tổng cộng đã thanh toán: 4.157.000.000 đồng. Tổng số tiền thanh toán này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

Riêng lần thanh toán ngày 02/11/2018, ông Phan Hoàng Q nộp tiền mặt 01 tỷ đồng theo phiếu thu số HCM 007853 của Công ty với nội dung S450/DUNG (BL.80), phía bị đơn cho rằng đây là phiếu thu ông Q thanh toán cho hợp đồng mua xe của bà Trần Thị Lệ Q1.

Vậy đây là số tiền ông Q thanh toán cho hợp đồng mua xe của ông Q hay bà Q1 là vấn đề cần làm rõ.

[3.3] Theo ông Q trình bày (BL.71):

“Ngày 02/11/2018 tôi có thanh toán cho chiếc xe của chính tôi (Mercedes S450-Phan Hoàng Q) bằng hình thức nộp tiền mặt 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng) cho thủ quỹ của VSAL-Phiếu thu 007853.(đính kèm)

Và cho đến ngày 28/11/2018 Tôi đã thanh toán đủ tiền xe S450 của tôi và các khoản liên quan và nhận xe ngày 30/11/2018.”

Khoản thanh toán một tỷ đồng này chính ông Q đã khẳng định là do ông nộp thanh toán mua xe cho chính ông, bởi bà Q1 và ông Q không có bất kỳ mối liên hệ gì.

Theo Hợp đồng mua bán số D7-Retails 18101525 ngày 15/10/2018 (BL.127-134), bà Trần Thị Lệ Q1 mua xe Mercedes – Benz GLS400 với giá 4.394.000.000đồng.

Trong khi đó, trên phiếu thu số HCM 007853 của bị đơn ghi rõ nội dung nộp tiền là “S450/DUNG” (BL.80) do Phan Hoàng Q ký tên nộp tiền. Như vậy, ông Q thanh toán cho chiếc xe ông Q mua có ký hiệu S450 và mua qua nhân viên sale tên DUNG (D).

Do vậy, việc bị đơn liệt kê khoản tiền ông Q nộp một tỷ đồng tiền mặt vào các khoản thanh toán hợp đồng mua xe S400 của bà Trần Thị Lệ Q1 là không đúng.

Vậy, số tiền thanh toán của khách hàng Phan Hoàng Q đã vượt số tiền phải trả là một tỷ đồng, trong đó có số tiền ông K đã nộp vào tài khoản của bị đơn là 400.000.000đ.

Theo Khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 “*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*”.

Xét thấy, ông K là chủ sở hữu của số tiền 400.000.000đồng nói trên, việc chuyển tiền vào tài khoản của Công ty nhằm thanh toán cho hợp đồng mua xe của ông Q nhưng ông Q đã thanh toán đủ cho chiếc xe của mình, do vậy khoản tiền này nằm ngoài hợp đồng mua bán xe và Công ty không có căn cứ gì để hưởng lợi đối với hợp đồng này, do đó cần hoàn trả theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định lời khai của ông K bất nhất về việc chuyển tiền cho công ty và dựa vào lời khai của bị đơn là không nhận tiền thanh toán dư của ông Phan Hoàng Q để cho rằng Công ty hưởng lợi (số tiền ông K chuyển) là có căn cứ pháp luật là không đúng, vì đã phân tích sự việc dựa trên lời khai của bị đơn mà không dựa trên chứng từ đã được các bên xác nhận.

[3.4] Bên cạnh việc thanh toán của ông Phan Hoàng Q cho Công ty, thì tồn tại sự việc Phan Võ Phúc D có giả mạo chữ ký của ông Ông Để rút tiền của Công ty tiêu xài cá nhân, hành vi của Phan Võ Phúc D đã bị khởi tố vụ án và khởi tố bị can, hiện đang trong giai đoạn điều tra làm rõ hành vi phạm tội. Vụ việc Phan Võ Phúc D có lấy tiền của Công ty từ các khoản khách hàng Phan Hoàng Q đã nộp

thanh toán cho hợp đồng mua xe không là thiệt hại phía Công ty cần xem xét và yêu cầu giải quyết trong vụ án hình sự đối với Phan Võ Phúc D.

[3.5] Về việc Công ty cho rằng ông D có xác nhận mượn tiền ông K 400.000.000đ để thanh toán cho ông Phan Hoàng Q nên ông K cần khởi kiện yêu cầu ông D trả tiền.

Xét thấy, ông K chuyển tiền vào tài khoản Công ty và khoản tiền này nằm ngoài hợp đồng mua xe của ông Q, ông K có quyền yêu cầu Công ty chuyển trả lại số tiền này.

Về phía ông D, tuy ông D có xác nhận mượn tiền của ông K nhưng người thụ hưởng số tiền này lại là Công ty, còn ông D có rút được khoản tiền đã nộp vào tài khoản Công ty hay không là do hành vi làm giả tài liệu, chữ ký của người đứng đầu Công ty do ông D thực hiện – do vậy ông D rút tiền là từ Công ty (nếu có) không phải lấy tiền – nhận tiền từ ông K nên không thỏa các điều kiện của hợp đồng vay tài sản được định nghĩa tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; ...”*

Mặt khác, tại bản tự khai ngày 29/01/2021 (BL.338) ông D cho rằng anh trai ông D là Phan Phú C có thực hiện trả tiền nhiều đợt cho ông K nhưng số tiền và cách thức thì ông D không rõ. Nay ông K yêu cầu Công ty trả số tiền 400.000.000đ thì ông D không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa xử theo quy định pháp luật.

Như vậy, ông D không trình bày được căn cứ chứng minh ông D (hoặc anh trai ông D) đã trả số tiền 400.000.000đồng cho ông K, nên việc ông K chọn khởi kiện Công ty yêu cầu hoàn trả số tiền ông đã chuyển nhầm (do bị lừa) vào tài khoản Công ty là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không phù hợp;

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 7 theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.6] Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau:

Bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Trung K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 10.000.000đồng (mười triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0031131 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 148, Điều 271, 272, 273, 278, 279, 280, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Trung K.

Sửa Bản án sơ thẩm số 107/2022/DS-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung K:

Bị đơn Công ty TNHH B có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Trung K số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) đã chuyển nhằm theo Giấy báo có số VNFI588684 ngày 30/11/2018 của Vietcombank số tiền 300.000.000 đồng và Giấy báo có số VNFI589131 ngày 30/11/2018 của Vietcombank số tiền 100.000.000 đồng vào Tài khoản số 0181003464686 của bị đơn tại Vietcombank.

Thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử phúc thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu chậm thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH B phải chịu án phí sơ thẩm là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Trung K tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0031131 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Trung K tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014305 ngày 04/5/2022 Của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Q.7;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.7;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hiền